TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HSST
Ngày: 14- 9- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Văn Tuyến, Hà Mạnh Linh;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2021/HSST ngày 26/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

N.X. N, sinh năm 1979, tại huyện K, tỉnh Phú Thọ. Nơi ĐKHK thường trú: khu T, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N. X. V (đã chết) và bà N. T. H, sinh năm 1931, hiện đang sinh sống tại xã K, huyện K, tỉnh Phú Thọ; vợ là M.T. M, sinh năm 1981. Bị cáo có 03 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014).

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/5/2022 đến ngày 02/6/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã L, huyện K, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người bị hại: Chị N. T. H, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu N, xã X, huyện K, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*** N. X. N. có hộ khẩu thường trú tại, khu T, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Ngày 30/5/2022, N đến làm thuê xây nhà cho bà T. T. B, ở khu N, xã X, huyện K, Khoảng 14 giờ 20 phút chiều cùng ngày N đi đến khu vực nhà lá của bà B, N thấy có 01 xe môtô nhãn hiệu Honda BKS 19D1- 062.50 màu đỏ đen, loại xe Wave S đã qua sử dụng, xe này là của chị N. T. H, ở khu N, xã X, huyện K (chị H là con gái của bà B), xe dựng ở giữa sân, khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N đến gần chiếc xe, dùng tay phải rút chìa khoá đang cắm ở ổ khoá cho vào ổ khoá ở phía sau xe máy để mở cốp xe. Khi mở

được cốp xe N nhìn thấy một ví giả da màu nâu, kẻ sọc, bên trong ví có 02 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, được buộc dây chun, mỗi cọc là 20.000.000 đồng. Tổng cộng hai cọc là 40.000.000 đồng. N rút 24 tờ ở cùng một cọc tiền, số tiền N trộm cắp được là 12.000.000 đồng. Sau khi lấy được số tiền trên N cuộn tròn tiền vào tay phải, đúc vào túi quần và giữ tay trong túi quần, ví nâu và số tiền còn lại N để lại trong cốp xe, đóng cốp xe lại và cắm chìa khoá vào vị trí ban đầu. Sau đó N đi đến khu vực gốc Tre bị đốt gần đó, bới đống rác lên và giấu toàn bộ số tiền trộm cắp vào đó, rồi quay lại tiếp tục làm việc bình thường. Hành vi trộm cắp của N đã bị cháu N. B. N là cháu nội của bà B nhìn thấy và nói với cháu H. A. T là con gái của chị H về việc cháu nhìn thấy N lấy trộm tiền, cháu T nói với chị H, chị H đã hỏi cháu N về việc nhìn thấy ai lấy trộm tiền của chị H, cháu N đã chỉ vào N. Chị H đến hỏi N để xin lại số tiền N đã lấy nhưng N không trả nên chị đã báo Công an xã X và công an huyện K giải quyết. Công an xã X phối hợp với Công an huyện K và gia đình tìm kiếm số tiền 12 triệu đồng đã bị mất trộm. Quá trình tìm kiếm, anh N. V. H (là em trai của chị H) đã phát hiện được số tiền 12 triệu đồng giấu tại gốc Tre bị đốt và giao nộp cho công an huyện K. Đến 16 giờ cùng ngày N bị triệu tập đến làm việc tại công an xã X và N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp nói trên.

- ***Vật chứng đã thu giữ:*** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ: 01 xe môtô nhãn hiệu Honda BKS 19D1- 06250 màu đỏ đen, loại xe Wave S đã qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu kẻ sọc của chị N. T ; Số tiền 12.000.000 đồng (do anh N. V. H giao nộp) đã tạm giữ và xử lý trả lại cho chị H.

- ***Xử lý vật chứng:*** Quá trình điều tra làm rõ số tiền 12 triệu đồng là tiền của bà B do chị H quản lý để trả tiền làm nhà, vật liệu xây dựng cho bà B, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu dáng Wave S, BKS 19D1- 062.50 màu đỏ đen là tài sản hợp pháp của chị H nên đã trả lại cho chị H.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKSCK, ngày 21- 8- 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo N.X. N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo N. X. N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về áp dụng điều luật: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

+ Tội danh: Bị cáo N. X. N phạm tội "Trộm cắp tài sản"

+ Hình phạt: Xử phạt bị cáo N. X. N từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N. X. N.

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống để

giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày không quá 05 ngày trong một tuần *(Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định đối với người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).*

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N. X. N.

+ Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả cho chị N. T. H số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng; 01 xe môtô nhãn hiệu Honda BKS 19D1- 06250 màu đỏ đen, loại xe Wave S đã qua sử dụng; 01ví giả da màu nâu, kẻ sọc của chị N. T. H là phù hợp nên cần xác nhận.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo N. X.N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sửa chữa lỗi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Về nội dung:

** Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo*: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng. Lời nhận tội của bị cáo N. X. N. tại phiên tòa phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, hội đồng xét xử có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận Vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 30/5/2022 tại nhà bà N.T. B. (mẹ đẻ của chị H), Ng đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị H là số tiền 12.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

" 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...: "

** Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:* Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, thì thấy tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Lần phạm tội này bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đủ cho bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng". Qua xác minh về tài sản và thu nhập của bị cáo xác định được bị cáo không có tài sản riêng, lao động tự do không xác định được thu nhập cụ thể. Vì vậy

không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N. X. N.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) cho chị N. T. H và 01 môtô nhãn hiệu Honda BKS 19D1- 06250 màu đỏ đen, loại xe Wave S đã qua sử dụng; 01ví giả da màu nâu, kẻ sọc của chị N. T. H.

[5] Về án phí: buộc bị cáo N. X. N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo N. X.N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2]. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N. X. N.

[3]. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Nghị 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trứ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Xuân Nghị.

Giao các bị cáo cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo N. X. N. trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng 02 giờ trong một ngày và 02 ngày trong một tuần *(Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định đối với người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).*

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

[4]. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả số tiền `12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) cho chị N. TH và 01 môtô nhãn hiệu Honda BKS 19D1- 06250 màu đỏ đen, loại xe Wave S đã qua sử dụng; 01ví giả da màu nâu, kẻ sọc của chị N. T. H.

[5].Về án phí*:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội buộc bị cáo N.X. N phải chịu 200.000đ(Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao trực tiếp hoặc được niêm yết công khai.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- THA- HS;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã L;
- Bị cáo;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo